

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO - VẤN ĐỀ CẤP THIẾT HIỆN NAY CỦA KHOA NGỮ VĂN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

PHẠM THỊ PHƯƠNG HUYỀN

Trường Đại học Tây Bắc
Email: huyentp@gmail.com

Tóm tắt: Trước yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, khoa Ngữ văn của Trường Đại học Tây Bắc cần thiết phải phát triển chương trình đào tạo theo định hướng tiếp cận năng lực người học, với những giải pháp cụ thể sau: Một là, điều chỉnh lại cấu trúc chương trình khung; Hai là, giảm thời lượng kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành; Ba là, tăng thời lượng kiến thức nghiệp vụ sư phạm và thực tập chuyên môn.

Từ khóa: Phát triển chương trình; khoa Ngữ văn; Trường Đại học Tây Bắc.

(Nhận bài ngày 02/5/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 16/6/2016; Duyệt đăng ngày 25/8/2016).

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 29 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ rõ những yêu cầu cụ thể của quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại hóa. Đối với các cơ sở đào tạo giáo viên, vấn đề quan trọng nhất hiện nay là việc thay đổi nội dung chương trình đào tạo cùng với đó là sự thay đổi cách dạy, cách học, đổi mới việc kiểm tra, đánh giá...

Chương trình truyền thống hướng đến mục tiêu kiến thức, ít chú ý đến vấn đề hình thành năng lực và rèn luyện kĩ năng. Do vậy, việc đánh giá kết quả học tập chủ yếu trả lời câu hỏi: Học sinh biết những gì? Đó là nguyên nhân dẫn đến tình trạng học sinh yếu về thực hành, ít ứng dụng được những kiến thức đã học vào cuộc sống. Đây là hạn chế chung của nhiều cơ sở đào tạo giáo viên trong đó có khoa Ngữ văn của Trường Đại học Tây Bắc. Trước yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, các cơ sở đào tạo giáo viên cần thiết phải đổi mới chương trình đào tạo và xây dựng hệ thống giải pháp phù hợp nhằm phát triển năng lực cho sinh viên (SV) sư phạm.

2. Thực trạng về chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Ngữ văn ở Trường Đại học Tây Bắc

Thuật ngữ chương trình đào tạo có nhiều cách hiểu. Theo nghĩa hẹp, chương trình đào tạo là nội dung các môn học được giảng dạy; theo nghĩa rộng, chương trình đào tạo là tất cả các hoạt động giáo dục trong một khóa học nhằm đạt được mục tiêu đào tạo. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chú trọng đến nghĩa hẹp của khái niệm này.

Chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Ngữ văn ở Trường Đại học Tây Bắc được xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2002. Đến nay, chương trình đã trải qua hai lần điều chỉnh vào năm 2008 và năm 2013. Nhìn một cách tổng thể, chương trình hiện hành có nhiều ưu điểm nhưng cũng không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót, đặc biệt là so với yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

Về ưu điểm:

- Chương trình đảm bảo tính pháp lí của Luật Giáo dục, đảm bảo các tiêu chí chuẩn đầu ra đối với cử nhân sư phạm Ngữ văn Trường Đại học Tây Bắc.

- Chương trình bước đầu đã quan tâm đến việc thực hành, rèn nghề cho SV nhằm hướng tới triết lí giáo dục của nhà trường “vững lí thuyết, giỏi thực hành, nhanh vào thực tiễn”.

- Chương trình có sự phân hóa và tích hợp trong dạy học Ngữ văn hướng đến các yêu cầu, mục đích về kiến thức, kĩ năng thái độ rõ ràng, có khả năng phân loại SV.

Về hạn chế:

- Chương trình còn nặng về việc trang bị kiến thức. Cụ thể: Tổng thời lượng 150 tín chỉ (TC) bắt buộc. Trong đó, học phần Giáo dục quốc phòng không được tính bằng số TC, bởi đây là học phần điều kiện. Như vậy, tổng số TC phải tích lũy nhiều hơn các cơ sở đào tạo khác từ 12 đến 20. Cụ thể: Đại học Sư phạm Hà Nội: 138TC; Đại học Sư phạm Vinh: 132 TC; Đại học Sư phạm Thái nguyên: 135 TC; Đại học Sư phạm Hà Nội 2: 130 TC.

- Sự phân bổ các khối kiến thức chưa hợp lí. Nặng về kiến thức chuyên ngành. Kiến thức nghiệp vụ chưa được chú trọng. Cụ thể:

Kiến thức giáo dục đại cương 24 TC; Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 110 (kiến thức cơ sở của ngành 22 TC; kiến thức chuyên ngành: 88 TC); Thực tập chuyên môn: 9 TC; Khóa luận tốt nghiệp: 7 TC. Đối chiếu với chương trình của các cơ sở đào tạo khác chúng tôi thấy rằng: Tỷ lệ khối kiến thức chuyên ngành của Trường Đại học Tây Bắc cao hơn so với các khối kiến thức khác (73,3%). Kiến thức nghiệp vụ chưa được coi là một loại kiến thức độc lập bởi lẽ các học phần Lí luận và phương pháp dạy học vẫn sắp xếp trong hệ thống *Kiến thức chuyên ngành*. Điều đó cho thấy, mục tiêu chương trình chưa chú trọng nhiều đến việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV. Trong khi đó, nhiều cơ sở đào tạo khác đã sắp xếp kiến thức Nghiệp vụ sư phạm thành một hệ thống độc lập.

- Sự phân bổ tỉ lệ tiết lí thuyết và thực hành chưa



hợp lí, chưa chú trọng nhiều đến vấn đề rèn luyện kĩ năng sư phạm cho SV. Thông thường 01TC có 12 tiết lí thuyết và chỉ có 03 tiết thực hành.

Nội dung thực hành chưa cụ thể. Các bộ môn khoa học cơ bản chưa có nội dung rèn phương pháp và kĩ năng sư phạm cho SV, vấn quan niệm đó là phần việc của bộ môn Lí luận và phương pháp dạy học.

- Một số học phần tự chọn còn mang tính hàn lâm, không phù hợp với năng lực, trình độ nhận thức và yêu cầu rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV.

- Chưa có những học phần mang tính thời sự. Kiến thức của một số học phần chưa được cập nhật. Chẳng hạn, một trong những học phần cần chú ý trong dạy học ngữ văn theo yêu cầu của chương trình môn học này ở phổ thông là dạy học đọc hiểu văn bản. Tầm quan trọng của việc dạy học đọc hiểu đã đặt ra từ lâu trong chương trình Ngữ văn hiện hành, với yêu cầu của chương trình mới sau năm 2015, vấn đề dạy học đọc hiểu lại càng được chú trọng hơn. Yêu cầu đó đặt ra cho các nhà trường, khoa sư phạm phải có các học phần giới thiệu kiến thức đọc hiểu và phương pháp dạy đọc hiểu cho SV. Tuy nhiên, cho đến nay, chương trình đào tạo ở khoa Ngữ văn của Trường Đại học Tây Bắc vẫn hoàn toàn khuyết thiếu nội dung này.

Những hạn chế như trên đã dẫn đến thực trạng SV trong khoa Ngữ văn còn yếu về nghiệp vụ sư phạm nói chung, năng lực dạy học đọc hiểu văn bản nói riêng. Chính vì vậy, để nâng cao chất lượng đào tạo SV sư phạm Ngữ văn Trường Đại học Tây Bắc, trước tiên cần phải xây dựng lại chương trình đào tạo theo định hướng phát triển năng lực, trong đó có năng lực dạy học đọc hiểu văn bản.

3. Điều chỉnh chương trình đào tạo theo định hướng phát triển năng lực

3.1. Cấu trúc lại chương trình khung

Chương trình đào tạo hiện nay được cấu tạo thành 02 phần chính: *Khối kiến thức giáo dục đại cương* và *Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp*.

+ Khối kiến thức giáo dục đại cương được tổng hợp bởi nhiều loại kiến thức cơ sở như: Lí luận chính trị; giáo dục thể chất; giáo dục quốc phòng - an ninh, pháp luật đại cương, tin học, ngoại ngữ.

+ Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm: Kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành; thực tập chuyên môn và khóa luận tốt nghiệp. Phân bổ thời lượng cụ thể như sau:

Bảng 1: Chương trình khung hiện hành

1. Kiến thức giáo dục đại cương	24
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	126
2.1. Kiến thức cơ sở của ngành	22
2.2. Khối kiến thức chuyên ngành	88
2.3. Nghiệp vụ sư phạm và thực tập chuyên môn	9
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	7

Với cấu trúc như trên, chương trình thiếu logic, mạch lạc đồng thời tính đặc thù của ngành Sư phạm là

các học phần rèn luyện nghiệp vụ lại chưa được đề cao. Vì vậy, theo chúng tôi nên tách các học phần phương pháp dạy học và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thành một khối kiến thức riêng biệt, ngang hàng với các khối kiến thức khác. Theo cấu trúc như sau:

+ *Kiến thức giáo dục đại cương*: Bao gồm tất cả các học phần liên quan đến lí luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, trong đó quy định rõ các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn.

+ *Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp*: Bao gồm kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành, trong đó quy định rõ các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn.

+ *Kiến thức nghiệp vụ sư phạm*: Bao gồm các kiến thức liên quan đến giáo dục nghiệp vụ, phương pháp dạy học và thực hành nghiệp vụ sư phạm, trong đó quy định rõ các học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

+ *Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế*
Cụ thể như sau:

Bảng 2: Chương trình khung theo đề xuất

1. Kiến thức giáo dục đại cương
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp
2.1. Kiến thức cơ sở của ngành
2.2. Kiến thức chuyên ngành
3. Nghiệp vụ sư phạm và thực tập chuyên môn
4. Khóa luận tốt nghiệp

Trong khung chương trình, cần cung cấp đủ thông tin về mã số học phần, tên học phần, số tín chỉ, học phần học trước và kì học dự kiến sẽ học học phần đó. Đặc biệt, điều kiện tiên quyết nên linh hoạt ở một số học phần để không gây khó khăn cho SV trong quá trình đăng kí học bù, học vượt.

3.2. Giảm tổng số tín chỉ bắt buộc sinh viên phải tích lũy

Về bản chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo không quy định cứng nhắc số tín chỉ bắt buộc SV phải tích lũy trong chương trình đào tạo của các cơ sở. Các trường được quyền lựa chọn lượng kiến thức đưa vào chương trình đào tạo từ 130 TC đến 150 TC. Việc khoa Ngữ văn nói riêng và các khoa khác trong Trường Đại học Tây Bắc nói chung đang sử dụng chương trình đào tạo với tổng thời lượng là 150 TC điều này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu trang bị nội dung kiến thức. Chương trình hiện tại sẽ giúp SV được tiếp xúc với nhiều loại kiến thức, nhiều mảng kiến thức được đào sâu, luyện kĩ. Tuy nhiên, điều này cũng gây ra những khó khăn cho SV đó là: Thời gian phải lên lớp quá nhiều, số học phần trong một học kì hoặc số TC trong một học phần quá cao gây ra áp lực trong thi cử... Đặc biệt, một số học phần như: Văn học phương Tây, Văn học Việt Nam 1900 - 1945, Văn học Việt Nam 1945 - 1975 bắt buộc SV phải đọc, phải nghiên cứu quá nhiều tác giả, tác phẩm trong khoảng thời gian rất ngắn, khiến SV cảm thấy mệt mỏi, quá sức.

Bảng 3: Phân bổ số tín chỉ ở từng khối kiến thức theo chương trình hiện hành

TT	Khối kiến thức	Số TC
1.	Kiến thức giáo dục đại cương	24
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	126
2.1.	Kiến thức cơ sở của ngành	22
2.2.	Khối kiến thức chuyên ngành	88
2.3.	NVSP và thực tập chuyên môn	9
2.4.	Khóa luận tốt nghiệp	7
	Tổng số	150

Chính vì vậy, chương trình nên giảm thời lượng kiến thức bắt buộc xuống dưới 150 TC, nhằm giảm tải nội dung kiến thức đồng thời điều chỉnh nội dung chương trình hướng đến phát triển năng lực thông qua các hoạt động thực hành, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

Phân tích chương trình đào tạo của một số cơ sở và thực tiễn chương trình của khoa Ngữ văn Trường Đại học Tây Bắc, chúng tôi đề xuất giảm tổng số TC cần tích lũy xuống 138 TC và phân bổ như sau:

Bảng 4: Đề xuất phân bổ số tín chỉ ở từng khối kiến thức

TT	Khối kiến thức	Số TC
1.	Kiến thức giáo dục đại cương	24
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	87
2.1.	Kiến thức cơ sở của ngành	18
2.2.	Khối kiến thức chuyên ngành	69
3.	NVSP và thực tập chuyên môn	20
4.	Khóa luận tốt nghiệp	7
	Tổng số	138

Việc điều chỉnh số TC sẽ được thực hiện cụ thể như sau:

3.2.1. Giảm thời lượng kiến thức cơ sở ngành từ 22 tín chỉ xuống 18 tín chỉ

Để thực hiện việc điều chỉnh kiến thức cơ sở ngành một cách hợp lý, trước hết cần điều chỉnh 04 TC của 02 học phần: *Dẫn luận ngôn ngữ* và *Nguyên lí lí luận văn học* xuống khối kiến thức chuyên ngành. Sau đó đưa học phần tự chọn: *Cơ sở văn hóa Việt Nam* lên phần kiến thức bắt buộc của khối kiến thức cơ sở ngành đồng thời giảm 02 TC ở học phần tự chọn từ 07 TC xuống 05 TC; cụ thể như sau:

Bảng 5: Giảm thời lượng kiến thức cơ sở ngành

Kiến thức cơ sở của ngành			
Hiện hành (22 TC)		Điều chỉnh (18 TC)	
Tên học phần	TC	Tên học phần	TC
Tâm lí học	03	Tâm lí học	03
Giáo dục học	04	Giáo dục học	04

Phương pháp nghiên cứu khoa học	02	Phương pháp nghiên cứu khoa học	02
Quản lí hành chính nhà nước và Quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo	02	Quản lí hành chính nhà nước và Quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo	02
Dẫn luận ngôn ngữ	02	Cơ sở văn hóa Việt Nam	02
Nguyên lí lí luận văn học	02	Tự chọn	05
Tự chọn	07		

3.2.2. Giảm thời lượng kiến thức chuyên ngành từ 88 tín chỉ xuống 69 tín chỉ

Trong tổng số 88 TC của phần kiến thức chuyên ngành theo chương trình hiện hành đã bao gồm 10 TC của 02 học phần Lí luận và phương pháp dạy học. Theo đề xuất trong cấu trúc của chương trình khung, các học phần phương pháp sẽ chuyển sang khối kiến thức Nghiệp vụ sư phạm và thực tập chuyên môn, đồng thời bổ sung 04 TC của 02 học phần *Dẫn luận ngôn ngữ* và *Nguyên lí lí luận văn học* vào khối kiến thức chuyên ngành. Như vậy, chỉ giảm 06 TC so với tổng số TC thuộc khối kiến thức chuyên ngành theo chương trình hiện hành. Tức là giảm từ 82 TC xuống 69 TC và số TC phải cắt giảm là 13. Theo đề xuất của chúng tôi, việc cắt giảm số TC chỉ thực hiện ở các học phần bắt buộc, cụ thể như sau:

+ Giảm 05 TC các học phần thuộc chuyên ngành Văn học Việt Nam từ 24 TC (16,0%) xuống 19 TC (13,76%). Tỷ lệ môn học này ở các cơ sở khác thường thấp hơn: Đại học Sư phạm Hà Nội 1: 19 TC (13,76%); Đại học Sư phạm Hà Nội 2: 13 TC (10,0%); Đại học Sư phạm Thái Nguyên: 23 TC (17,6%); Đại học Sư phạm Vinh: 17 TC (12,8%).

Bảng 6: Giảm thời lượng kiến thức chuyên ngành Văn học Việt Nam

Hiện hành		Điều chỉnh	
Tên học phần	TC	Tên học phần	TC
Văn học dân gian Việt Nam	04	Văn học dân gian Việt Nam	03
Văn học Việt Nam thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII	03	Văn học Việt Nam thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII	03
Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII - hết thế kỉ XIX	04	Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII - hết thế kỉ XIX	03
Văn học Việt Nam 1900 - 1945	05	Văn học Việt Nam 1900 - 1945	04
Văn học Việt Nam 1945 - 1975	05	Văn học Việt Nam 1945 - 1975	04
Văn học Việt Nam sau 1975 đến nay	03	Văn học Việt Nam sau 1975 đến nay	02

+ Giảm 06 TC các học phần Tiếng Việt từ 21 TC



(14,0%) xuống 15 TC (10,86%). Các cơ sở khác tỉ lệ thường thấp hơn: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1: 8TC (5,79%); Đại học Sư phạm Hà Nội 2: 10 TC (7,69%); Đại học Sư phạm Thái Nguyên: 12 TC (9,32%); Đại học Sư phạm Vinh: 15 TC (11,3%).

Bảng 7: Giảm thời lượng kiến thức các học phần Tiếng Việt

Hiện hành		Điều chỉnh	
Tên học phần	TC	Tên học phần	TC
Dẫn luận ngôn ngữ	02	Dẫn luận ngôn ngữ	02
Tiếng Việt thực hành	02	Tiếng Việt thực hành	02
Đại cương tiếng Việt và ngữ âm tiếng Việt	03	Đại cương tiếng Việt và ngữ âm tiếng Việt	02
Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	03	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	02
Ngữ pháp tiếng Việt và văn bản	05	Ngữ pháp tiếng Việt và văn bản	03
Ngữ dụng học	03	Ngữ dụng học	02
Phong cách học	03	Phong cách học	02

+ Giảm 01 TC các học phần Văn học nước ngoài từ 11 TC (7,33%) xuống 10 TC (7,24%). Các cơ sở khác tương đương hoặc thấp hơn: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1: 9TC (6,52%); Đại học Sư phạm Hà Nội 2: 9 TC (6,92%); Đại học Sư phạm Thái Nguyên: 10TC (7,69%); Đại học Sư phạm Vinh: 13TC (9,84%).

Bảng 8: Giảm thời lượng kiến thức các học phần Văn học nước ngoài

Hiện hành		Điều chỉnh	
Tên học phần	TC	Tên học phần	TC
Văn học phương Tây	05	Văn học phương Tây	04

+ Giảm 01 TC học phần thực tế học tập xuống còn 01 TC. Các cơ sở đào tạo khác thường không có học phần này.

Bảng 9: Giảm thời lượng kiến thức học phần thực tế học tập

Hiện hành		Điều chỉnh	
Tên học phần	TC	Tên học phần	TC
Thực tế học tập	02	Thực tế học tập	01

3.3. Tăng thời lượng kiến thức nghiệp vụ sư phạm và thực tập chuyên môn từ 19 tín chỉ lên 20 tín chỉ

Trong tổng số 19 TC của kiến thức nghiệp vụ sư phạm và thực tập chuyên môn đã có 10 TC các học phần Phương pháp dạy học được điều chuyển từ khối kiến thức chuyên ngành. Vì vậy, thực chất chỉ tăng 01 TC so với chương trình hiện hành, tức là tăng từ 12,6% lên 14,2%. Các cơ sở khác thấp hơn: Đại học Sư phạm Hà Nội 1: 12 TC (8,7%); Đại học Sư phạm 2: 16 TC (12,3%); Đại học Sư phạm Thái Nguyên: 18 TC (13,8%); Đại học Sư phạm Vinh: 16 (12,3%). Việc tăng thời lượng kiến thức nghiệp vụ sư phạm sẽ tập trung vào việc thực hành các kĩ năng

dạy học, giúp SV phát triển năng lực dạy học bằng thực hành thực tiễn mà không chỉ bằng hệ thống các kiến thức lí thuyết. Từ hạn chế về năng lực của SV và mục tiêu phát triển CT theo định hướng năng lực thì việc tăng thời lượng cho phần nghiệp vụ sư phạm là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Điều chỉnh số TC của các học phần như sau:

Sơ đồ 10: Tăng thời lượng kiến thức nghiệp vụ sư phạm và thực tập chuyên môn

Hiện hành		Điều chỉnh	
Tên học phần	TC	Tên học phần	TC
Lí luận và phương pháp dạy học Văn	05	Lí luận và phương pháp dạy học Văn	03
Lí luận và phương pháp dạy học tiếng Việt - Làm văn	05	Lí luận và phương pháp dạy học tiếng Việt - Làm văn	03
Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	02	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	06
Kiến tập sư phạm	02	Kiến tập sư phạm	02
Thực tập sư phạm	05	Thực tập sư phạm	05

Học phần rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên cần được phân chia hợp lí ở mỗi học kì, nhằm tập trung rèn luyện các kĩ năng dạy học cần thiết cho SV như: Kĩ năng viết bảng, kĩ năng soạn giáo án, kĩ năng đọc diễn cảm, kĩ năng dạy học...

Để nâng cao kĩ năng thực hành, vận dụng lí thuyết vào hoạt động tổ chức dạy học, vấn đề rèn luyện các kĩ năng dạy học cho SV không chỉ thu hẹp trong phạm vi các học phần Phương pháp và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Giảng viên bộ môn Khoa học cơ bản cũng cần thay đổi tư duy, phải cùng gánh vác và chia sẻ trách nhiệm với giảng viên dạy phương pháp trong vấn đề rèn luyện kĩ năng dạy học cho SV. Vì vậy, trong nội dung thực hành, các bộ môn Khoa học Cơ bản cần hướng tới việc hình thành và rèn luyện các kĩ năng dạy học nhằm giúp SV không chỉ vững vàng về lí thuyết mà còn tự tin trong quá trình thực hành ứng dụng, có năng lực dạy học, đáp ứng tốt yêu cầu của thực tiễn.

4. Kết luận

Phát triển chương trình đào tạo đại học ở các khoa sư phạm là yêu cầu bức thiết của giáo dục Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập. Căn cứ vào thực tiễn chương trình đào tạo hiện hành và những điều kiện cụ thể của khoa Ngữ văn ở Trường Đại học Tây Bắc hiện nay, chúng tôi đề xuất các giải pháp phát triển chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo theo định hướng phát triển năng lực người học. Để nâng cao năng lực dạy học cho SV sư phạm ngành Ngữ văn, việc điều chỉnh chương trình đào tạo hướng đến tăng cường thực hành rèn luyện nghiệp vụ là một trong những giải pháp then chốt của khoa Ngữ văn ở Trường Đại học Tây Bắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ giáo dục và đào tạo, *Phát triển chương trình đào tạo giáo viên phổ thông ngành Ngữ văn*, Tài liệu tập huấn cán bộ, giảng viên các cơ sở đào tạo giáo viên phổ thông về phát triển chương trình đào tạo.

[2]. Bộ giáo dục và Đào tạo, *Tài liệu Hội thảo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể trong Chương trình giáo dục phổ thông mới*, Tài liệu lưu hành nội bộ, tháng 3, năm 2015.

[3]. *Chương trình đào tạo của trường: Đại học Sư*

phạm Hà Nội 1, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Đại học Sư phạm Thái Nguyên, Đại học Sư phạm Vinh, Đại học Tây Bắc.

[4]. Phạm Hồng Quang, (2013), *Phát triển chương trình đào tạo giáo viên - những vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Đại học Thái Nguyên.

[5]. Đỗ Ngọc Thống, *Đổi mới căn bản, toàn diện chương trình Ngữ văn - Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 103, năm 2014.

DEVELOPING TRAINING PROGRAM - AN ESSENTIAL ISSUE OF LANGUAGE STUDIES DEPARTMENT AT TAY BAC UNIVERSITY

Pham Thi Phuong Huyen
Tay Bac University
Email: huyentp@gmail.com

Abstract: *In the context of requirements of general curriculum renewal, it is necessary for language studies department of Tay Bac University to develop training program towards learners' competency, with specific solutions: Firstly, to restructure program framework; Secondly, to reduce periods of major specific knowledge and specialized knowledge; Thirdly, to increase periods of pedagogical knowledge and professional internship.*

Keywords: *Program development; Language studies department; Tay Bac University.*